

Tiểu Sử Đức Phật-Thầy Tây-An Bửu Sơn Kỳ Hương

Mục lục

- I- Hành vi và thân thể buổi đầu của Ngài
- II- Đức Phật Thầy Vào Rạch Trà Bư
- III- Khi Đức Phật Thầy đến Xẻo Môn
- IV- Khi Ngài Bị dời về An Giang
- V- Đức Phật Thầy Vào núi Sam
- VI- Giáo lý căn bản
 - Ân tổ-tiên cha mẹ:
 - Ân đất nước:
 - Ân tam-bảo:
 - Ân đồng-bào và nhân loại:
- VII- Những di tích có liên hệ đến Đức Phật Thầy
 - A. Ở Tòng-Sơn
 - B. Ở Cái-Nai
 - C. Ở Long-Kiến
 - D. Ở Núi Sam
 - E. Ở Thới-Sơn
 - G. Ở Láng-Linh

I- Hành vi và thân thể buổi đầu của Ngài

Đức Phật-Thầy Tây-An chính danh là Đoàn-Minh-Huyền, sanh vào giờ ngọ ngày rằm tháng mười năm Đinh-mão (1807), nhằm năm Gia-Long thứ sáu.

Ngài quê ở làng Tòng-Sơn (1), tổng An-Thạnh-Thượng, tỉnh Sađéc. Tổ phụ ở đó từ lâu, nhưng tên họ là gì ngày nay không ai biết được. Chỉ biết trong thân-tộc của Ngài, thuở Ngài mới ra đời, còn có hai người (anh chú bác) là Đoàn-văn-Điều và Đoàn-văn-Viên (2) mà thôi. Về sau, khi hai ông này mất đi, con cháu vì trải qua nhiều lần tao-loạn trong nước nên hoặc chết, hoặc xiêu lạc đi nơi nào mà hiện nay ở Tòng-Sơn không còn thấy roi truyền miêu-duệ.

(1) Khi xưa là làng Tòng-Sơn, đến hồi Pháp thuộc thì ba làng Mỹ-An, Mỹ-Hung và Tòng-Sơn bị sáp-nhập tại gọi là Mỹ-An-Hung. Hiện nay cũng gọi là Tòng-Sơn.

(2). Có người nói là Đoàn-văn-Thuyên, không rõ tên nào đúng.

Căn-cứ vào nhiều bậc bô-lão ở đây cho biết chắc-chắn thì Đức Phật-Thầy bỏ nhà ra đi từ lúc tuổi còn nhỏ lắm. Ngài đi đâu và làm gì, cả trong làng cho đến những người thân-thuộc của Ngài cũng không ai hiểu được. Lần hồi, ngày lun tháng qua, tên tuổi và hình-dạng của Ngài chôn sâu vào thời-gian, người ta không còn nhớ một mảy-may gì về Ngài nữa.

Một hôm, khoảng đầu năm Kỷ-dậu (1849), Ngài quá-giang với một chiếc ghe buồm từ miệt trong (?) về. Lúc đến vàm rạch Tòng-Sơn. Ngài lên bộ lần theo bờ rạch mà đi (thuở ấy đuôi làng Tòng Sơn ngang làng Tịnh-Thới (Sadéc), chớ không phải lờ còn nhỏ quá như ngày nay). Khi đến gần đình làng, gặp lúc có cây da tróc gốc ngã bật xuống sông, lấp cả đường nước, ghe xuồng qua lại đậu dồn chặt cả một khúc sông, dân làng đang rũ nhau xúm lại thật đông, cột dây để kéo cây da vào bờ. Công việc này hi-hục đã ngót nửa ngày rồi mà vẫn vô hiệu, người ta định giải tán. Kịp khi Đức Phật-Thầy vừa tới, Ngài thấy vậy bèn ngỏ lời với dân làng xin để Ngài kéo hộ:

-Các ông hãy cột dây lại, tôi sẽ ra sức tiếp tay với các ông.

Đám dân làng cười xòa:

-Chúng tôi lực-lượng và đông-đảo như thế này mà kéo không đi, ông ốm yếu quá, làm sao tiếp nổi ?

Đức Phật-Thầy cười:

-Bà con thử cột xem, tôi liệu có cách kéo được.



*Phật Thầy Tây An giúp dân kéo cây da trên rạch Tòng Sơn
(Ảnh ở Đình Quan Thới - Thạnh Mỹ Tây)*

Thấy lời nói ôn-tôn và vẻ mặt quả-quyết của “người khách lạ”, mấy người dân làng lội xuống nước, cột dây lại, và sắp hàng hai bên để chờ xem ông khách bộ-hành này định kéo thế nào.

Đức Phật-Thầy đứng giữa giơ tay lên, hô to:

-Hè . . . hãy kéo lên !

Hai hàng dây của hai tốp người vừa hơi căng thẳng, cây da từ từ xếp ngọn vào bờ, khỏi phải hè-hụi ó-la và nhọc công ra sức chi hết.

Những ghe xuồng đậu lại mấy hôm nay thấy trống được đường nước thì mừng rỡ ra đi. Mấy người dân làng vì mệt nhọc suốt buổi nay cũng uể-oải kéo nhau về. Họ quên xem người khách bộ-hành ấy về đâu, và cũng không buồn nghĩ đến chuyện cây da vì sao mà kéo vào được dễ-dàng như vậy.

Xong việc, Đức Phật-Thầy lại ra đi. Khi đến đình thần làng Tòng-Sơn, Ngài ghé vào. Từ ấy người ta thấy Ngài ngụ luôn tại đây, ở mái hiên sau, ngày thì chặt sậy, làm cỏ, đêm đến lại quét lá da để nấu nước uống.

Được ít hôm, ông từ đình làng này thấy vậy có lòng lo sợ cho sự rủi-ro xảy ra hỏa hoạn, vì đình thuở ấy lợp bằng tranh, mà đêm đêm Đức Phật-Thầy cứ đốt củi lửa lên hoài, nếu có bề nào thì sẽ khổ cho ông về phần trách-nhiệm. Ông bèn đem ý-kiến ấy mà bày tỏ cùng Đức Phật-Thầy, và xin đừng đốt lửa ban đêm nữa.

Ngài điềm-tĩnh niệm Phật mà trả lời:

-Tôi ở đâu thì sẽ giữ cho đó được bình yên, xin ông đừng ngại.

Năm ấy thời hành dịch-tả nổi lên nhiều nơi, ở làng Tòng-Sơn cũng bắt đầu có lai-rai bệnh ấy. Chức-việc làng và dân-chúng thấy vậy lo sợ, họ xúm nhau lại đình, làm heo gà cúng vái và đóng bè để "tống gió" ra khỏi làng.

Nghe biết được việc ấy, Đức Phật-Thầy ra trước chức-việc làng. Ngài tỏ ý không muốn có công việc sát sinh hại vật mà tống gió, vì theo ý Ngài thì hãy tin-tưởng Phật Trời cho thành lòng còn hơn, chứ tống như thế này, nếu thật có linh-nghiệm thì cũng chỉ là một việc làm ích-kỷ. Minh khỏi họa mà người khác mang tai thì sao ?

Nhà chức-trách trong làng không tin, cho là lời nói nhảm. Ngài buồn-bã trở vào hiên sau, vừa đi vừa than:

-Các ông tống thì tôi xin rước!

Những lời biện-giải đầy đạo-đức và sáng-suốt ấy của Đức Phật-Thầy đã không đem lại được kết quả, mà trái lại, chức việc làng cho là một điềm gở, nên vài hôm sau, họ cử ông Thị-sự (1) đến truyền lệnh không cho Ngài ở nữa, lấy cớ rằng trong làng không có quyền chứa-chấp những người lạ mặt.

(1). Chúng tôi không hỏi được tên họ ông Thị-sự này. Chỉ biết ông có người cháu tăng-tôn là ông Hương-giáo Tổ mới chết mấy năm nay ở Tòng-sơn.

Đức Phật-Thầy nhận lời, nhưng trước khi đi, Ngài yêu-cầu ông Thị-sự mua hộ cho Ngài một đôi đèn sáp để Ngài làm lễ khai lý-lich cho làng và dân-chúng nghe đã.

Vì tính háo-kỳ của ông Thị-sự, và lòng tin tưởng của một ít người ở chung quanh đình, thấy Đức Phật-Thầy có nhiều cử-chỉ nửa hư nửa thực, nên cuộc lễ được tổ-chức một cách rất mau lẹ.

Sau khi lên đèn nhang làm lễ, Đức Phật-Thầy kể rõ ông bà cha mẹ mình là ai, bà con dòng họ có những người nào, bỏ nhà ra đi từ bé để tu-hành và ngày nay được tổ ngộ như thế nào, và sau rốt, Ngày tự xưng mình là Đoàn-Minh-Huyền.

Chức-việc và dân làng nhiều người nửa tin nửa ngờ. Họ tính ra thì trong số thân-thuộc mà Đức Phật-Thầy đã kể, có ông Đoàn-văn-Điều và Đoàn-văn-Viên hiện còn sống, và đang ở trong làng này, nên liền cho người mời đến.

Khi giáp mặt, ông Điều cũng không nhận ra được Đức-Phật-Thầy. Ngài phải đem công việc gia-đình đầu đuôi từ lúc ra đi thế nào mà thuật lại một mạch. Nghe xong, ông Điều ôm Đức Phật-Thầy mà khóc oà lên và sau khi chấm dứt câu chuyện hàn-huyên, ông Điều khuyên Ngài nên ở lại quê-hương làm ăn với ông, đừng đi đâu nữa để đến phải thân hình tiều-tụy, già nua trước tuổi như ngày nay (1).

(1).Đức Phật-Thầy tuổi Mẹo, tính ra tới năm trở về Tòng-Sơn thì mới có 43 tuổi, thế mà nhiều cụ già nghe kể lại thì Ngài hỏi ấy râu tóc như một ông già cho nên anh em ông Điều không nhận ra được.

Bấy giờ ai nấy đều bưng tĩnh, vì thấu được ý-nghĩa hay-ho trong lễ đạo mà Đức Phật-Thầy vừa giải, nên chi tất cả đồng yêu-cầu Ngài ở lại.

Đức-Phật-Thầy không chịu. Ngài nhứt định ra đi. Ngay khi ấy, bệnh dịch đã tràn lán tới-tấp trong làng Tòng-Sơn.



Đức Phật Thầy Tây An chữa bệnh dịch tả

II- Đức Phật Thầy Vào Rạch Trà Bư

Xuồng chiếc xuồng bần, bơi bằng một miếng tre nhỏ, Đức Phật-Thầy đi ngược lòng rạch Tòng Sơn, đổ lên Cái-Tàu-Thượng.

Thầy cảm cộng không được nữa, anh em ông Điều và mấy người dân làng dọn xuồng đi theo Ngài. Trong chuyến đi này, Ngài cho người ta thấy một điều kỳ diệu nữa, là: lúc xuồng đi theo Ngài thì năm người bơi năm giảm, trong khi ấy thì Ngài chỉ có một mình, lại chỉ bơi chằm-rãi bằng một miếng tre, thế mà xuồng Ngài vẫn cứ đi trước và biệt biệt xa dần, năm người này dù đã cố hết sức bởi nhưng cũng không tài nào theo kịp.

Khi đến rạch Trà-Bư (thuộc làng An-Thanh Trung, gần ranh hạt Sađéc-Long Xuyên, cách xa chợ Cái-Tàu-Thượng lối bảy ngàn thước), Ngài lên bờ, vệt để sậy che một cái lều con, rồi ở luôn tại đó. Ông Điều và mấy người dân làng Tòng-Sơn khi theo dõi đến nơi, hết sức khẩn-thiết yêu-cầu, lạy mà xin Ngài trở về để cứu hộ cho bá tánh đang cơn hoạn nạn.

Đức Phật Thầy trả lời:

– Tuy tôi đã đi khỏi làng chớ hiện giờ vẫn còn để lại “cây thẻ năm ông” tại sau hiên đình. Mấy ông cứ về thỉnh đó mà uống và tin Trời tưởng Phật thì đau căn, bệnh gì cũng mạnh.

Ông Điều và ai này rất mừng, trở về thì quả thật Ngài còn để lại tại đình Tòng-Sơn một cây cờ ngũ sắc.

Người ta tuyên-bố ra, một đồn mưòi, mưòi đồn trăm, thiên-hạ lúc đầu tới đình thỉnh còn được cờ, vài hôm sau hết cờ, họ đẽo tới cán cờ đem về thiêu, rồi hòa với nước mà uống, uống đâu hết đó.

Hết cờ hết cán, dân-chúng kéo nhau vô Trà-Bư yêu-cầu Đức Phật-Thầy chữa trị. Mấy hôm đầu còn có giấy vàng phát ra về sau Đức Phật-Thầy chỉ cho bằng tro nhang mà không đủ. Số người kéo đến, xuồng ghe đậu chật cả một khúc sông. Trên bờ, lau sậy bị giậm rạp bằng cả xuồng mặt đất. Một cảnh tấp-nập đông-vầy bỗng nhiên hiện ra giữa chốn hoang-vu rừng bụi, không ai ngờ được.

III- Khi Đức Phật Thầy đến Xẻo Môn

Mùa thu, tháng 8 năm Kỷ-dậu (1849), dân-chúng ở quang vùng Trà-Bư như Hội-An, Mỹ-An và Tòng-Sơn ... nhờ có Đức Phật-Thầy cứu độ nên bệnh thể đã yên, Ngài nghe đồn ở làng Kiến-Thanh bệnh dịch mới phát lên bạo-hành lắm; động mỗi từ tâm, Ngài rời Trà-Bư, bơi xuồng lên rạch Xẻo-Môn (trước là làng Kiến-Thanh, nay đổi lại là Long-Kiến, tỉnh Long-Xuyên), để độ dân, tế thể (1).



*Đức Phật Thầy bơi xuồng đến Xẻo Môn
(Ảnh ở Đình Quan Thê)*

Một sáng kia, tại đình làng Kiến-Thạnh (hồi trước ở tại vòm Chưn-Đùn, chứ không phải chỗ đình Long-Kiến ngày nay) khi ông từ vào dâng hương trên bàn chánh, bỗng trông thấy một người lạ mặt chễm-chệ giữ bàn Thần, ông từ hồn bắt thủ xá, vừa la vừa chạy. Người ngồi trên bàn Thần thấy vậy kêu lên và ngoắt ông từ trở lại.

(1). Khi còn ở Tòng-Sơn, Đức Phật-Thầy có lúc băng xuồng ngang qua rạch Cái-Dừa rồi ngược dòng vào làng Bình-Đức (ngày nay làng Bình-Đức đã sáp nhập cùng hai làng Phú-Xuân và Tân-Phước, gọi là Bình-Phước-Xuân, thuộc Cù-lao Giêng Long-Xuyên), rẽ sậy che lều ở đó ít lâu để phát phù trị bệnh. Nơi đây Ngài có thâu mấy vị đệ-tử mà chúng tôi còn nghe biết là ông Chánh-Bái Nguyễn-văn-Duyên và ông Nguyễn-văn-Kính (đạo hiệu Thần-Tự-Kính), tu niệm rất chí tâm. Khi Đức Phật-Thầy qua Xẻo-Môn rồi bị bắt lên An-Giang triều đình ra lệnh xuống tóc, Ngài có gởi về Cù-lao Giêng cho hai ông này mỗi người một lọn. Ngày nay con cháu ông Duyên không thấy còn ai, không biết bảo-vật ấy về đâu, còn ông Kính thì lưu truyền mớ tóc ấy được đến bây giờ, hiện cháu huyền-tôn của ông là ông Nguyễn-Ngọc-Chơi còn giữ. Vì không rõ được nguyên cớ và ngày tháng Đức-Phật-Thầy qua đây, nên chúng tôi không dám chép ở phần trên.

Xa xa nhìn lại, ông từ xem thấy người ấy mặt mũi có vẻ hiền lành, không có chi đáng sợ-hãi, bèn chậm chậm rề lại và hỏi:

– Ông là ai, ở đâu mà dám đến đây ngồi trên bàn Thần như vậy?

Người lạ mặt ấy đáp:

– Ta là Phật-Thầy, giảng thể đặng cứu nguy cho dân-chúng!

Ông từ suy-nghĩ một chút rồi hỏi:

– Ông xưng là Phật, vậy dân ở trong làng này hiện nay đang mắc bệnh ôn-dịch mà chết rất nhiều, ông có thể cứu sống người ta được không?

– Được chứ, ai mắc bệnh ấy đâu, đem lại đây, ta cứu dùm cho !

Lúc ấy, trong làng, người bị bệnh dịch chẳng thiếu chi. Ông từ cho hay ra, đang lúc ở gần đó có ông Thuông (1) bị ỉa mửa gần chết, người nhà xin cứu, quả nhiên Đức Phật-Thầy trị được.

Tiếng đồn lan ra khắp làng, người ta đến xin cứu bệnh mỗi lúc một đông, đông hơn ở Trà-Bur gấp bội, vì bệnh dịch đang lộng hành ở đây.

Ba hôm sau, chức-việc-làng thấy người ta đến rần-rộ quá sợ bị quan trên quở phạt, bèn xin Đức Phật-Thầy dời về cái cốc của ông Kiến (xéo rạch Xẻo-Môn, chỗ cất chùa Tây-An Cổ Tự ngày nay), cho tiện việc chữa bệnh và thờ Phật ở đình.

(1). Ông Thuông lúc đó còn nhỏ, sau lớn lên làm Hương-cả nên người ta gọi là ông Cả Thuông.

Cũng giấy vàng, tro nhang như ở Trà-Bur mà phát ra hoài không đủ được, Đức Phật-Thầy phải dùng đến áo nhang, nước lã. Thiên-hạ chen-chúc đến đông-vầy, nhiều người chờ đợi đôi ba ngày mới thỉnh được thuốc, có người không chen vào được, phải lể-bái ở ngoài sân.

Hoạt-cảnh này đã được giảng xưa diển ra rất rõ:

*Dầm trời thiên-hạ như mưa,
Ban mai đến tối phát chưa rời bù.
Người đi tới trước vô chùa,
Mấy người tới trễ lạy đũa ngoài sân.*

Chẳng những bệnh dịch mà thôi, ngoài ra bất luận bệnh chi Ngài cũng trị được, chỉ trừ một ít người tận số:

*Nói cho bá tánh tỏ tình,
Mấy người tới số Thầy xin đặng nào.
Muôn ngàn thiên-hạ xiết bao,
Đau căn Thầy độ bệnh nào cũng an.*

Nơi đây, Ngài bắt đầu chỉ-dạy cách tu hiền cho những người mộ Đạo, và dựng lên nghi-thức thờ phượng trang-hoàng, mở rộng chùa-chiền, cùng thâu nhiều đệ tử.

IV– Khi Ngài Bị dời về An Giang

Từ khi Đức Phật-Thầy dời sang cốc ông Kiến về sau thì bệnh nhờn đến xin thuốc càng ngày càng đông, người theo về tu niệm mỗi lúc mỗi nhiều, danh tiếng đồn ra vang-dội khắp nơi. Người ta mừng rỡ bảo nhau: Đức Phật-Thầy quả là một vị Phật sống, lâm-phàm trợ thế.

Lúc ấy nhà chức-trách huyện Đông-Xuyên (ngày nay là tỉnh Long-Xuyên) rất kinh-động, vì thấy lòng người hầu hết trong huyện đã hướng theo Đức Phật-Thầy, ấy là chưa kể đến các vùng phụ cận. Họ nghĩ rằng nếu cứ để như vậy, rũi Ngài có chủ-trương nổi lên một cuộc bạo-động nào thì không phương gì dập tắt được, nên liền mật báo về tỉnh An-Giang xin quan Tỉnh liệu định lẽ nào cho họ khỏi bề trách-nhiệm.

Quan Tổng Đốc tỉnh An-Giang bấy giờ là Huỳnh-Mẫn-Đạt (1) cũng có hay biết việc ấy, nhưng chưa rõ đích-xác, nay được mật tin ở huyện Đông-Xuyên báo lên quả quyết thì lấy làm lo sợ, e có sự xảy ra như vụ Lâm-Sâm và nhóm thầy chùa làm loạn ở Trà-Vinh trước đây mấy năm (Thiệu-Trị nguyên niên 1810) đó chẳng ! Nên ông chẳng chút chần-chờ, cấp tốc sai linh-tráng xuống vờn ngay Đức Phật-Thầy về tỉnh.

1. Khi Pháp vào Nam-Kỳ thì Huỳnh-Mẫn-Đạt vì già yếu nên xin hồi hưu, đổi Phan-Khắc-Thân lên thay ở An-Giang.

Hôm ấy vào lúc giờ Ngọ; bá-tánh đến tỉnh thuốc đông-đảo, nhưng giờ này ai nấy đều im lặng, để cho Đức Phật-Thầy sửa-soạn thời cúng. Bỗng từ ngoài sân có tiếng kêu vang:

– Có ông Đạo ở nhà đây không ?

Đức Phật-Thầy từ trong cốc lên tiếng:

– Có. Ai hỏi tôi có việc chi ?

– Có lệnh quan Tổng-đốc An-Giang đòi, ông Đạo phải sửa-soạn đi liền theo chúng tôi bây giờ đây !

– Mấy ông nán cho tôi cúng ngộ một chút, được không ?

– Không được, chuyện gấp lắm !

Thế là Đức Phật-Thầy không kịp giã-từ bồng-đạo, theo chân mấy tên lính xuống thuyền vượt thẳng lên An-Giang. Trong bọn này, nghe đâu có Cai Trung và Đội Bồng chỉ-huy, nhưng Cai Trung thì xử đối với Đức Phật-Thầy ôn-hòa lễ-độ nên không sao, còn Đội Bồng vì xác-lắc vô lễ, nên sau đó ít ngày phải á khẩu rồi chết.

Khi giáp mặt quan Tổng-đốc An-Giang, sau những câu hỏi chận đón để buộc tội Đức Phật-Thầy là gian đạo-sĩ, họ bày ra đủ cách để thử thách Ngài. Theo như những bài

lịch-truyền nói về Ngài và nhiều bậc phụ-lão thuật lại thì nào là lót tượng Phật Quan-Âm dưới chiếu rồi bảo Ngài ngồi lên, trong khi có nhiều tăng sãi khác đã ngồi rồi trên chiếu ấy (1). Nào là dọn cơm chay để lẫn cơm mặn rồi bảo Ngài ăn v.v... song nhứt nhứt Ngài đều ứng-đáp trôi chảy, khám-phá ra được hết.



Thử Thách Đức Phật Thầy Tây An
(Ảnh: Ở Dinh Quan Thế Vĩnh Hạnh)

(1).Giảng xưa có phép chuyện quan Tĩnh An-Giang mời Đức Phật-Thầy ngồi trên chiếu, trong khi dưới chiếu ấy có lót tượng Phật. Ngài trả lời đại ý như vậy:

“Bẩm tôi xin đứng dưới này,

“Hòa thượng Thầy-sãi ngồi rày hai bên.

” Tham ăn thấy thác một bên,

“Dưới tượng Phật-Bà Hòa-thượng ngồi trên”.

Hòa-thượng nghe nói ngã lẩn.

Có lần người ta thử Ngài bằng cách cùng ngồi liêu với các vị Hoà-thượng khác, xem ai đủ đức tính nhẫn-nại hơn. Ngài bảo rằng ngồi liêu bằng ngạ-diệp không có chi lạ, hãy dùng chuông nướng đổ rồi úp lên đầu, như thế mới xem được có kiên tâm hay không. Các Hòa-thượng nghe nói thất đảm, song Ngài thì vẫn điềm-nhiên, đốt chuông đặt lên.



Thử Thách Đức Phật Thầy Đội Chuông Nóng

Sau khi tìm hết cách thử-thách nhà chức-trách tỉnh An-Giang đã đem lòng khâm-phục Đức Phật-Thầy, nhưng cũng phải tạm lưu-giam Ngài để đợi lệnh triều-đình định đoạt. Trong lúc lưu-giam ấy, Ngài muốn ra vào tự ý, đội cai không tài nào ngăn- cản được. Thế nên mấy lúc sau, người ta cho Ngài được ở ngoài tự-do, không ràng buộc nữa.



Đức Phật Thầy ra vào vô ngại lúc tạm giam

Thể theo đề-nghị của quan Tổng-Đốc tỉnh An-Giang, Đức Phật-Thầy được triều đình chính-thức công-nhận, được tự-do hành-đạo, nhưng buộc Ngài phải xuống tóc như hàng tăng sãi tu Phật ở cửa thiền.

Tương truyền rằng trước khi Ngài thế-phát, người ta có sắm sẵn cho Ngài một cái mặt kiển, một cây kéo và một cái mâm, để tỏ lòng trọng kính.

Khi xuống tóc rồi, Đức Phật-Thầy chia ra gởi cho các môn-nhơn đệ-tử có tâm-chí giữ làm kỷ-niệm. Tóc ấy hiện giờ mặc dầu đã trải qua hơn một trăm năm, vẫn còn nhiều người giữ được.

V- Đức Phật Thầy Vào núi Sam

Sau khi Đức Phật-Thầy được tha, để tránh sự hoài-nghi của nhà cầm quyền, Ngài vào núi Sam ở chung một ngôi chùa sẵn có do giáo-phái Lâm-Tế lập ra và đã được triều-

đình chứng nhận. Chùa này nhờ Phật cốt, gõ mõ tụng kinh, không giống cách trần-thiết và nghi-thức hành đạo của Ngài.

Lúc đầu, khi Đức Phật-Thầy mới vào đây, vị sư trụ-trì trong chùa xem Ngài như một người thường mới vào qui-y thọ pháp nhưng sau đó ít lâu, vì thấy được những đạo pháp lạ thường của Ngài, các sư mới tỏ ý khâm-phục và đồng xin tôn Ngài lên bậc sư-trưởng. Ngài từ chối, cho rằng trước sau như vậy, vả lại có như thế, cơ phổ-hóa quần sanh của Ngài mới được phương-tiện thi-hành (1).

Từ ấy, cái bối-cảnh ở Xẻo-Môn trước kia đã như tàn tạ, nay bỗng nhiên được phu-diễn lại nơi đây. Người ta rằm-rập tới lui, xin phù thỉnh thuốc và thọ pháp quy-y.

Để thực hiện cho kỳ được cái giáo-pháp vô-vi chân truyền mà Ngài đã mở ra từ buổi trước, Đức Phật-Thầy bắt đầu tìm những nơi hẻo-lánh xa-xôi.

(1). Do đó mà khi Đức Phật-Thầy tịch, người ta mới khắc vào bia, cho rằng Ngài ở trong giáo-phái Lâm-Tế như ngày nay ta còn thấy tại mộ-phần của Ngài ở núi Sam. Và cũng chính thế mà vị Hòa Thượng Lâm-Tế hồi ấy được dân chúng suy-tôn là Hòa-Thượng Tổ hay Hòa-Thượng Cổ.

Để lập ra những cơ-cấu tôn-giáo – mà thuở ấy Ngài cho gọi là trại ruộng – để đem bổn-đạo tới đó vừa tu niệm vừa làm ăn. Bằng cách ấy, Ngài đã biểu-thị tinh-thần Phật-Giáo vị nhân-sinh, lúc nào cũng vì đời vì người mà dùng Phật đạo để cứu khổ giác mê chớ không hề bi-quan yếm-thế.

Bởi vậy các trại ruộng, trại gỗ lần lần được dựng lên quanh vùng Thất-Sơn như ở Thới-Sơn, Láng-Linh, và Ngài phái các vị đại đệ-tử ở đó chăm lo săn-sóc công việc. Nghi thức thờ phượng thì đặc-biệt theo giáo pháp của Ngài là thờ trần điều, cúng nước lã, bông hoa mà thôi, chứ không phải như ở núi Sam.

Lúc này Đức Phật-Thầy tuy tiếng ở núi Sam chứ thật ra thì Ngài luôn luôn vân-du đây đó để tùy cơ phổ-độ quần-sanh. Khắp vùng Thất-Sơn không đâu là Ngài không bước đến. Thỉnh-thoảng Ngài đến những trại ruộng để truyền dạy đạo-pháp cho tín-đồ, các ông Cổ-Quản, Đạo-Xuyến, Đạo Lập, Đình-Tây, Tăng Chủ, cậu hai Lãnh v.v... đều có được Ngài truyền cho bí-pháp. Bởi vậy, về sau tín-đồ của các vị này phần nhiều cũng được đắc đạo cả.



Đức Phật Thầy và Mười Hai vị Đại Đệ Tử

Ngài thọ được 50 tuổi, tịch tại núi Sam vào giờ Ngọ ngày 12 tháng tám năm Bính-Thìn (1856), trong lúc không bệnh chi lắm, tinh-thần vẫn bình-tĩnh, sau khi đã nhắc-nhở đạo-đức và dặn-dò công việc cho các tín-đồ.



Đức Phật Thầy Tịch Diệt

Ngày nay, trong bốn đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, đến ngày 12 tháng 8 hằng năm tổ chức cúng giỗ Đức Phật Thầy Tây An, cũng là dịp các bốn đạo hành hương trở về nơi gốc đạo.

VI- Giáo lý căn bản

Để cho được thích hợp với trình-độ và căn-cơ của quần-chúng trong thời-kỳ Hạ-nguơn, Đức Phật-Thầy chủ-chương đem pháp-giáo vô-vi của đạo Phật mà truyền dạy trong

dân-gian. Ngài không cho trần-thiết tượng cốt, tụng đọc ó la như trong nhà thiền đã làm. Tại ngôi tam-bảo chỉ thờ trần điều, tiêu-biểu tinh-thần vô-thượng của nhà Phật mà thôi.

Ngài đặc-biệt quan tâm đến vấn-đề đưa ra những giáo-thuyết về việc **học Phật tu nhân**, bởi hầu hết tín-đồ của Ngài hồi ấy là hạng tại gia cư-sĩ.

Về học Phật, ta thấy Ngài gom vào ba điều căn-bản trong Phật pháp là Giới, Định, Tuệ.

Giới: là những sợi dây buộc ta vào chánh đạo, không cho ta phạm vào những lầm-lỗi xấu-xa và để ta đừng làm những điều tàn-ác vô-minh nữa.

Định: Suy-nghĩ đến những lạc thú ở đời, cho nó đều là mỏng-manh, giả-ảo; diệt trừ ham muốn và nghĩ đến cuộc đời vô-thường, tập trung tư-tưởng để quan-sát lý đạo, tìm hiểu chánh chân.

Tuệ: Hiểu thấu lý vô thường và sự khổ của con người, không bao giờ bị vô-thường và sự khổ-não chi phối mình nữa, nên bao nhiêu sự đau khổ đều được diệt trừ, thấy được Phật tánh (bản-lai diện mục).

Vì Ngài đã có nói:

*Lọc lừa thì đặng nước trong.
Ma Phật trong lòng lừa phải tìm đâu.*

Hay là:

*Cam-lồ rửa được tánh mê,
Nước trong thì thấy nguyệt kia xa gì.*

Và:

*Dốc lòng niệm chữ từ-bi,
Lấy dao trí-tuệ cắt đi cho rời.*

Ngài quyết đem lại cho quần-chúng thấy được ánh sáng của cuộc đời là sống an vui, sống với lòng yêu thương nhau thân-thiết chứ không phải sống để hành hạ nhau. Bởi vậy Ngài luôn luôn ở bên cạnh quần-chúng để tế-độ và hướng dẫn họ tới chỗ nhận thức rõ-rệt sứ-mạng đạo Phật không cho quần-chúng hiểu lầm rằng Đạo Phật là chỗ để trốn nợ Đời, hay chỉ sống im-lim một mình đặng chờ ngày về cõi Niết-bàn riêng hưởng sự an vui.

Tất cả các giáo-lý ấy chứng tỏ rằng Ngài có óc thực-tiến khác thường.

Về tu nhân, Đức Phật-Thầy thường khuyến-khích các môn-nhân đệ-tử nên đền-đáp tứ đại trọng ân.

Ngài nói:

*Loài cầm thú còn hay biết ồ,
Huống chi người nữ bỏ tứ-ân.*

Bốn điều ân ấy, Đức Huỳnh Giáo-Chủ có kể ra và giải nghĩa rất rõ-rệt:

- 1.– Ân tổ-tiên cha mẹ
- 2.– Ân đất nước
- 3.– Ân tam bảo
- 4.– Ân đồng-bào và nhân-loại (với kẻ xuất-gia thì ân đàn-na thí chủ).

Ân tổ-tiên cha mẹ:

Ta sanh ra cõi đời được có hình-hài để hoạt-động từ thuở bé cho đến lúc trưởng thành, đủ trí khôn ngoan, trong khoảng bao nhiêu năm trường ấy, cha mẹ chịu biết bao khổ-nhọc, nhưng sanh ra cha mẹ là nhờ có tổ-tiên nên khi biết ơn cha mẹ cũng có bổn-phận phải biết ơn tổ-tiên nữa.

Muốn đền ơn cha mẹ, lúc cha mẹ đang sanh-tiền, có dạy ta những điều hay lẽ phải ta hìn chăm-chỉ nghe lời, chớ nên xao-lãng, làm phiền hìn cha mẹ. Nếu cha mẹ có làm điều gì lầm lẫn trái với nhân-đạo, ta hìn hết sức tìm cách khuyên-lơn ngăn-cản. Chẳng thế, ta còn phải lo nuôi-dưỡng báo đền, lo cho cha mẹ khỏi đói rách, khỏi bệnh hoạn ốm đau, gây sự hòa-hảo trong đệ-huynh, tạo hạnh-phúc cho gia đình, cho cha mẹ vui hìn thỏa-mãn: hìn cầu cho cha mẹ được hưởng điều phước-thọ. Lúc cha mẹ quã-vãng, hãy tu cầu cho linh-hồn được siêu-thăng nơi miền Phật cảnh, thoát đọa trầm-luân.

Còn đền ơn tổ-tiên, đừng làm điều gì tội-tệ, điểm-nhục tông-môn, nếu tổ-tiên có làm điều gì sai lầm gieo họa đau thương lại cho con cháu, ta phải quyết chí tu và hy-sinh đời ta làm điều đạo-nghĩa, rửa nhục tổ-đường.

Ân đất nước:

Sanh ra, ta phải nhờ tổ-tiên cha mẹ; sống ta cũng nhờ đất nước quê-hương. Hưởng những tác đất ăn những ngọn rau, muốn cho sự sống được dễ-dàng, giống nòi được truyền-thụ, ta cảm thấy có bổn-phận phải bảo vệ đất nước khi bị kẻ xâm-lãng giày đạp Ráng nâng- đỡ xứ-sở quê-hương lúc nghiêng-nghèo, và làm cho trở nên được cường-thạnh. Ráng cứu-cấp nước nhà khi bị kẻ ngoài thống-trị. Bờ cõi vững lạng hìn ta mới yên, quốc-gia mạnh giàu mình ta mới ấm.

Hãy tùy tài sức, nỗ-lực hy-sinh cho xứ sở. Thảng như không đủ tài-lực đảm-đương việc lớn, chưa gặp thời-cơ giúp-đỡ quê-hương, ta phải hìn tránh đừng làm việc gì sơ-xuất

đến đổi làm cho đất nước nhà đau khổ, và đừng giúp sức cho kẻ ngoại-địch gây sự tổn hại đến đất nước.

Đó là ta đền ơn cho đất nước vậy.

Ân tam-bảo:

Tam-bảo là gì? – Tức Phật, Pháp, Tăng.

Con người nhờ tổ-tiên cha mẹ sinh ra nuôi dưỡng, nhờ đất nước tạo kiếp sống cho mình. Ấy về phương-diện vật-chất.

Về phương-diện tinh thần, con người cần nhờ đến sự giúp-đỡ của Phật-Pháp-Tăng khai mở trí óc cho sáng-suốt. Phật là đấng toàn-thiện, toàn-mỹ, bác ái vô cùng, quyết cứu-vớt sanh-linh ra khỏi vòng trầm-luân khổ-hải. Thế nên Ngài mới truyền lại giáo-pháp, tức là những lời chỉ dạy cho các chư hín đặng đem nền Đạo của Ngài ban-bố khắp trần-thế. Các chư hín chẳng ai lạ hơn những đại-đệ tử của đức Phật vậy. Bởi vì đức Phật luôn luôn chỉ dẫn và cứu vớt quần-sanh thoát miền mê-khổ, nên ta hãy kính trọng Phật, hãy tin-tưởng và tín-nhiệm vào sự-nghiệp cứu đời của Ngài, làm theo những điều chỉ dạy do các chư hín cho biết. Tổ-tiên ta đã hiểu rõ sự nhiệm-mầu, hín quảng-ái của Phật đối với chúng-sanh, đã kính-trọng sùng-bái Ngài, đã hành-động đúng theo khuôn-khổ Ngài đã dạy và đã vun trồng bồi đắp cho nền Đạo được phát triển thêm ra, xây dựng một tòa lâu-đài Đạo hạnh vô-thượng vô-song rồi truyền mãi mãi với hậu thế.

Nên bổn-phận chúng ta phải noi theo trí-đức của tiền-nhân hầu làm cho trí-tuệ minh-mẫn đặng đi đến con đường giải-thoát, dẫn dắt giùm kẻ hín và nhứt là phải tiếp-tục khai-thông nền đạo-đức đặng cái tinh-thần từ-bi bác-ái được gieo rải khắp nơi nơi trong bá tánh. Như thế mới chẳng phụ công trình vĩ-đại của Đức Phật và của tiền-nhân để lại và không đắc tội với kẻ đời sau vậy.

Ân đồng-bào và nhân loại:

Con người vừa mở mắt chào đời, đã thấy mình phải nhờ đến sự giúp-đỡ của những kẻ ở xung-quanh và cái niên-kỷ càng lớn thêm bao nhiêu, sự nhờ-nhỡ càng tuần-tự thêm nhiều chừng nấy.

Ta nhờ hột cơm của họ mới sống, nhờ miếng vải của họ mới ấm hín, nhờ cửa nhà của họ mới tránh cơn phong-vũ. Vui-sướng: ta đồng hưởng với họ. Hoạn-nạn: họ cùng chịu với ta. Họ và ta cùng một màu da, cùng nói một thứ tiếng. Ta và họ hợp nhau thì thành lại làm một: ấy Quốc-gia đó. Họ là ai? Tức những người ta thường gọi bằng đồng-bào vậy?

Đồng-bào ta và ta cùng chung một chủng-tộc, cùng một nòi giống roi truyền, cùng có những trang lịch-sử vẻ-vang oanh-liệt, cùng tương-trợ lẫn nhau trong cơn nguy-biến,

cùng chung phận sự đào-tạo một tương-lai rực-rỡ trong bước tiền-đồ của giang-san đất nước. Đồng-bào ta và ta có một liên-quan mật-thiết không thể rời nhau, chẳng thể chia nhau và chẳng khi nào có ta mà không có đồng-bào hay có đồng-bào mà không có ta. Thế nên, ta phải hin giúp-đỡ họ hầu đáp đền cái ơn mà ta đã thọ trong muôn một.

Chẳng những thế thôi, ngoài đồng bào ta còn có thế-giới người đang cặm-cui cần-lao cung-cấp những điều nhu-cầu cần-thiết. Họ là nhân-loại, là những người đang sanh sống với chúng ta trên quả địa-cầu. Nếu không có nhân-loại, thử hỏi dân-tộc ta ra như thế nào ? Ta có đủ vật-liệu để hin chẳng ? Nói tóm lại, ta có thể lẻ-loi đương đầu với những khi phong-vũ nhiệt-hàn, với những lúc ốm đau nguy-biến, giữ vững cuộc sống còn này chẳng ? Hẳn không vậy. Thế nên, dân-tộc ta phải nhờ đến Nhân-loại nghĩa là nhờ đến dân-tộc khác và phải biết ơn họ. Hãy nghĩ đến họ cũng như nghĩ đến mình và đồng chủng mình.

Vả lại, cái tình từ-bi bác-ái của Đức Phật mà ta đã nhận thức rất thâm-huyền quảng-huợt. Cái tình ấy, nó không bến không bờ, không phân-biệt màu da, không phân-biệt chủng-tộc; nó cũng không luận sang hèn và xóa hết các tầng lớp đẳng-cấp xã-hội và chỉ đặt vào một: Nhân-loại Chúng-sanh.

Thế, ta không có lý-do gì chánh-đáng để vì mình vì đồng-bào mình gây ra tai hại cho các dân-tộc khác. Trái lại hãy đặt vào họ một tư-tưởng nhân-hòa, một tinh-thần hỉ-xả và hãy tự xem mình có bổn-phận giúp-đỡ họ trong hoạn-nạn.

Xét qua giáo-lý và hành-động của Đức Phật Thầy, ta có thể mạnh-bạo mà nói Ngài là một nhà cách-mạng tôn-giáo tiên-phong trong lịch-sử Phật Giáo Nam-Việt. Vì trong lúc Ngài ra đời, đạo Phật đang đi sâu vào chỗ lu mờ suy đốn, do một số nhà sư làm lệch-lạc, sai xa với Pháp-giáo chơn truyền. Chính Ngài, trước hơn ai hết, đã cương-quyết đứng lên thực-hành chánh pháp, phổ-hóa quần-sinh, gây nên một phong-trào đạo hạnh sôi-nổi và lan-tràn mà từ xưa, lịch-sử đã chứng-minh chưa từng có.

Một ông Nguyễn-văn-Xuyến với chánh-pháp thần-thông, hóa dân trợ thế, – một ông Phạm-thái-Chung với pháp thuật cao kỳ, hoàng dương mối đạo, – Một Đức Cố-Quản Thành với tràn đầy hin trung-liệt, vì nước quên mình, – một ông Nguyễn-văn-Thới với mênh-mông hồn ưu-ái giang-sơn tổ-quốc..., ngàn ấy điều-kiện, há không đủ chứng tỏ rằng giáo-lý của Đức Phật-Thầy là một giáo-lý cao-siêu vô-thượng, không quên đạo, chẳng bỏ đời (“đời đạo liên-quan rạng chói...”) đó sao ?

VII- Những di tích có liên hệ đến Đức Phật Thầy

A. Ở Tòng-Sơn

Từ chợ Cái-Tàu-Thượng (Sađec) đi đở xuống rẽ sang lộ đất lồi hai ngàn thước, du khách sẽ trông thấy xa xa một ngôi đình lợp bằng ngói, ẩn hiện sau mấy chòm cổ thụ như trôm, dầu... đó là đình làng Tòng-Sơn, một dấu-vết ở quê-hương của Đức Phật-Thầy, nơi mà xưa kia, Ngài về nương-náu sau mái hiên, sau bao nhiêu năm xa cách.

Trải mấy lần đất lở, đình này phải dời đi cất lại đến chỗ ngày nay. Trong đình, tại bàn chánh thì thờ trần điều, còn bàn Thần thì đặt ngay một hương-án ở chính giữa phía trước. Hai bên: tả ban thì thờ cửu-huyền, hữu ban thì thờ Đức Phật-Thầy, trên bàn có một tấm biểng bằng cây, sơn son thiếp vàng, lớn độ một thước bề ngang, một thước rưỡi bề đứng, có khắc sâu những chữ: Đoàn Phật Sư ở giữ, và một đôi liễn kiến hai bên đề:

Tòng-Sơn đắc ngộ Phật,

Tây-An quả giác Sư.

Hằng năm đến ngày 12 tháng 8 là ngày vía của Đức Phật-Thầy, đình này có cúng kiếng long-trọng như các chùa chiền vậy.

B. Ở Cái-Nai

Mộ Phật-Mẫu (hin-mẫu của Đức Phật-Thầy) hiện ở rạch Cái-Nai (thuộc thôn An-thạnh-Trung Quận Chợ-Mới, tỉnh Long-Xuyên). Rạch này cách chợ Cái-Tàu-Thượng lồi năm ngàn bốn hin thước. Từ vàm rạch vào đến mộ chừng hai hin thước nữa, chung quanh mộ có trồng ô-môi và có cất một cái nhà thờ, có người ở đây lửa hương phụng-tự.

Tương truyền rằng khi chưa có người coi giữ mộ này, trâu bò cũng không dám đến gần; có khi người ta đi cho trâu ăn khuya lở gần đó thì trâu bỗng nhiên nghinh lên rồi thực lui mà chạy, chừng như nó thấy được ai chặn đuổi nó vậy. Bởi thế nên ngôi mộ này đến nay, dù đã trải nhiều mưa nắng, nhưng đất vẫn gò lên khách đi thuyền qua đây dòm lên còn thấy cao hơn các chỗ khác.

C. Ở Long-Kiến



Chùa Tây An ở Long Kiến

Tại làng Long-Kiến (tổng Định-Hòa, Long-Xuyên), phía hữu ngạn nhìn Ông Chường, khách đi đường sẽ trông thấy một ngôi chùa lộng lẫy nguy-nga, trước sân có một cây dầu, chung quanh có xây bồn bằng gạch, ấy là chùa Tây-An Cổ-Tự, một di-tích của Đức Phật-Thầy. Ngày xưa Ngài có về đây để phát phù trị bệnh cho đến khi bị vờ về An Giang. Nơi này trước kia là cái cốc của ông Kiến. Tuy đã qua mấy bận hư-hao và một lần bị cháy, người ta đều sửa lại nhìn ó chỗ thờ-phượng. Đến năm 1952, chùa này mới được dựng lại và sửa-sang đồ-sộ như ngày nay.

D. Ở Núi Sam

Từ chợ Châu-Đốc đi vào năm ngàn thước thì tới núi Sam, rẽ sang phía tả, nhìn lên thấy ngôi chùa lồng-lộng nằm trên triền núi, ngoài ngõ có đề ba chữ Tây-An Môn, ấy là chùa Tây-An (tục gọi là chùa chánh) ở núi Sam. Đây là nơi Đức Phật-Thầy nương-náu để độ dân cho đến ngày tịch diệt. Trong chùa, Phật cốt rất nhiều, vì chùa này là của giáo-phái Lâm-Tế như đã nói ở đoạn trước, nên không có chi là dấu-vết của Đức Phật-Thầy.



Chùa Tây An ở Núi Sam

Sau chùa, về phía đông, có một vòng thành vuông rộng 5 thước 45 bề dài, 4 thước 75 bề ngang, nằm trên nhìn cấp nấc gạch, ấy là mộ của Đức Phật-Thầy.

Mộ không có đắp nấm, trước mộ có một tấm bia khắc những chữ:

“Ngươn sanh Đinh-mão niên, thập ngoạt, thập ngũ nhật, ngo thời chú sanh.

“Tự Lâm-Tế gia chư thiên phổ chánh-phái tam thập bát thế, thượng pháp hạ tạng tánh Đoàn; pháp-danh hứy Huyền, đạo hiệu Giác-Linh chi vĩ tọa.

“Tịch ư Bính-Thìn niên, bát ngoạt thập nhị nhật, ngo thời thị tịch-diệt “.



Thờ Phụng Theo Phái Lâm Tế tại Chùa Tây An Núi Sam

E. Ở Thới-Sơn

Trại ruộng ở Thới-Sơn cách xa núi Sam trên 10 ngàn thước. Ngày xưa, khi lập xong, Đức Phật-Thầy giao cho ông Tăng-Chủ và ông Đình-Tây ở giữ. Nơi này có hai di tích: Phước-Điền Tự và Thới-Sơn Tự. Hai chùa này cách nhau độ 2 ngàn thước. Khi Đức Phật-Thầy mới vào đây, Ngài để trâu (ông Sấm ông Sét) và làm ruộng tại Phước-Điền, còn Thới-Sơn (ngày xưa là trại ruộng Hưng-Thới) thì cất để thờ-phụng và ở mà thôi.



Chùa Phước Điền hoặc Trại Ruộng ở Thới Sơn

Tại Phước-Điền Tự còn có hai đôi liễn thờ ở bàn chánh và dán ngoài cửa ngõ. Người ta bảo là của Đức Phật-Thầy chỉ cho tín-đồ viết và lưu truyền đến ngày nay.

Liễn ở cửa ngõ:

“Nhứt trần bát nhiễm bờ-đề địa,

“Vạn thiện đồng quy bát-nhã môn”.

Liễn thờ ở bàn chánh:

“Phước bảo thiên quang thanh-tịnh vô-vì thường phổ chiếu,

“Điền kinh công đức viên dung bát-nhã biến thông truyền”.

Và một linh vị:

“Ngươn sanh Đinh-mão niên, thập ngoạt, thập ngũ nhựt, ngọ thời hưởng dương ngũ thập tuế.

“Cung thỉnh Lâm Tế chánh tông tam thập bát thể, thượng pháp hạ tạng, tánh Đoàn, pháp danh húy: Minh-Huyền, đạo-hiệu Giác-Linh chứng minh.

“Vãng ư Bính-thìn niên, bát ngoạt, thập nhị nhựt, ngọ thời nhi chung.

Về sau, khi ông Đình-Tây tịch, trại ruộng Thới-Sơn được sửa-sang lại thành một ngôi chùa nguy-nga, nhưng bao nhiêu lần dâu bể, chùa ngày nay chỉ còn mấy nếp lợp thiếc và lá mà thôi. Gần chùa còn có mấy ngôi mộ của ông Tăng-Chủ và ông bà Đình-Tây là những người có công-nghiệp rất to-tát trong việc mở-mang làng xóm dân cư ở đây ngày xưa.

G. Ở Láng-Linh

Từ vòm kinh sáng Vịnh-Tre đi vô độ mười ngàn thước thì tới trại ruộng Bửu-Hương Các ở Láng-Linh (thuộc làng Thạnh-Mỹ-Tây, tổng An-Lương, Châu-Đốc). Chỗ này là một di tích mà Đức Phật-Thầy xưa đã rẽ đất rạch hoang để mở cơ hoàng pháp. Ngài giao trại ruộng này cho Đức Cố-Quản Trần-văn-Thành coi giữ. Ngày nay, qua nhiều trận hư-hao, nơi đây được chấn-chỉnh lại trang-hoàng, lợp ngói, vách gạch và có ông Nguyễn-văn-Tịnh, một đệ-tử cũ của ông Hai Trần-văn-Nhu ở giữ gìn phụng-tự./.

Ấn Danh Cư Sĩ [tháng 12 18, 2018](#)

Nguồn: https://pghh1939.blogspot.com/2018/12/phat-thay-tay-an-buu-son-ky-huong.html#_Ti%E1%BB%83u_S%E1%BB%AD_%C4%90%E1%BB%A9c_Ph%E1%BA%ADt-Th%E1%BA%A7y_T%C3%A2y-An_B%E1%BB%ADu_S%C6%A1n_K%E1%BB%B3_H%C6%B0%C6%A1ng

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN
www.vietnamvanhien.info

TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 7900 TÁC PHẨM